



**Lenovo ThinkPad T400 Intel® Core™ 2 Duo P8700 35,8 cm (14.1")
2 GB DDR3-SDRAM 320 GB AMD Mobility Radeon HD 3470
Windows 7 Professional**

Nhãn hiệu : Lenovo

Họ sản phẩm: ThinkPad

Mã sản phẩm: NM38HPB

Tên mẫu : ThinkPad T400

Lenovo ThinkPad T400. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ 2 Duo, Model vi xử lý: P8700, Tốc độ bộ xử lý: 2,53 GHz. Kích thước màn hình: 35,8 cm (14.1"), Độ phân giải màn hình: 1440 x 900 pixels. Bộ nhớ trong: 2 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 320 GB. Model card đồ họa rời: AMD Mobility Radeon HD 3470. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 7 Professional. Trọng lượng: 2,38 kg



Màn hình		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Kích thước màn hình *	35,8 cm (14.1")	Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	×
Độ phân giải màn hình *	1440 x 900 pixels	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	×
Tỉ lệ khung hình thực	16:10	Công nghệ Chống Trộm của Intel	×
Bộ xử lý		Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	×
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Công nghệ Intel® Turbo Boost	×
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ 2 Duo	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Model vi xử lý *	P8700	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	×
Số lõi bộ xử lý	2	Công nghệ Intel® Clear Video	×
Các luồng của bộ xử lý	2	Công nghệ InTru™ 3D	×
Tốc độ bộ xử lý *	2,53 GHz	Intel® Insider™	×
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	3 MB	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	×
Dòng bộ nhớ cache CPU	L2	Công nghệ Intel Flex Memory Access	×
Đầu cắm bộ xử lý	Ổ cắm 479	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	×
Bus tuyến trước của bộ xử lý	1066 MHz	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	45 nm	Intel® Enhanced Halt State	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	×
Dòng vi xử lý	Intel Core 2 Duo P8000 Series	Intel® Demand Based Switching	×
Tên mã bộ vi xử lý	Penryn	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	×
Loại bus	FSB	Kiến trúc Intel® 64	✓
Phát hiện lỗi FSB Parity	×		
Chia bậc	R0		
Công suất thoát nhiệt TDP	25 W		
Tjunction	105 °C		
Số lượng bán dẫn của đế bán dẫn bộ xử lý	410 M		
Kích thước đế bán dẫn bộ xử lý	107 mm²		
Tỷ lệ Bus/Nhân	9,5		
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	×		

Bộ nhớ		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Bộ nhớ trong *	2 GB	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR3-SDRAM	Trạng thái Chờ	✓
Bố cục bộ nhớ	1 x 2 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✗
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	35 x 35 mm
Bộ nhớ trong tối đa *	4 GB	Mã của bộ xử lý	SLGFE
Dung lượng		Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Tổng dung lượng lưu trữ *	320 GB	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✗
Giao diện ổ cứng	SATA	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Tốc độ ổ cứng	5400 RPM	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✗
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✗
Thẻ nhớ tương thích	MMC, MS Pro, SD, SDHC, xD	Công nghệ Lưu trữ Nhanh của Intel®	✗
Đồ họa		Công nghệ Intel Fast Memory Access	✗
Model card đồ họa rời *	AMD Mobility Radeon HD 3470	ID ARK vi xử lý	37006
Card đồ họa rời *	✓	Vi xử lý không xung đột	✗
Bộ nhớ card đồ họa tối đa	0,256 GB	Pin	
Âm thanh		Số lượng cell pin	6
Hệ thống âm thanh	Âm thanh High Definition	Tuổi thọ pin (tối đa)	6,3 h
Số lượng loa gắn liền	2	Điện	
Công suất loa	2 W	Giắc cắm đầu vào DC	✓
hệ thống mạng		Bảo mật	
Các tính năng của mạng lưới	Gigabit Ethernet	Khe cắm khóa cáp	✓
Bluetooth	✓	Loại khe cắm khóa dây cáp	IBM
Cổng giao tiếp		Đầu đọc dấu vân tay	✓
Số lượng cổng USB 2.0 *	3	Trọng lượng & Kích thước	
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Chiều rộng	335 mm
Cổng DVI	✗	Độ dày	238 mm
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1	Chiều cao	32 mm
Số lượng cổng IEEE 1394/Firewire	1	Trọng lượng *	2,38 kg
Đầu ra tai nghe	1	Các đặc điểm khác	
Cổng ra S/PDIF	✗	Công nghệ không dây	IEEE 802.11a/g/n
Giắc cắm micro	✓	Cổng kết nối hồng ngoại	✗
Bộ nối trạm	✓	Kiểu/Loại	Máy tính cá nhân
Khe cắm ExpressCard	✓	Màn hình hiển thị	LCD
Loại khe cắm CardBus PCMCIA	✗	Cổng đầu vào TV	✗
Khe cắm SmartCard	✓	Ổ đĩa cứng, mật khẩu người dùng	✓
Các cổng bộ điều giải (RJ-11)	1	Modem nội bộ	✓
Đầu ra tivi	✗	Tốc độ bộ điều giải (modem)	56 Kbit/s
Bàn phím		Loại modem	V.90
Thiết bị chỉ điểm	ThinkPad UltraNav	Intel® segment tagging	Home office, Doanh nghiệp nhỏ (Small Business)
Phần mềm			
Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 7 Professional		

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.